

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2018/DS-PT

Ngày: 15-8-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Thái – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2018/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 209/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trương Thị N, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Phạm Xuân H, sinh năm 1982;

Trần Kiều L, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Số 739, đường A, phường X, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Cùng địa chỉ liên hệ: Số 32A, đường B, khóm Y, phường Z, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Anh Phạm Xuân H, chị Trần Kiều L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trương Thị N trình bày: Ngày 06-3-2014, bà N có cho cháu là anh Phạm Xuân H mượn 01 lượng vàng 24k 9999, ngày 19-7-2015 mượn thêm 02 lượng vàng 24k 9999, không làm biên nhận nợ, không tính lãi, hẹn đến cuối năm 2015 sẽ trả. Đến hẹn anh H không trả và tiếp tục hẹn đến tháng 10/2017 trả nhưng đến nay vẫn không trả.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Trương Thị N thống nhất theo sự thừa nhận của bị đơn, theo đó bà yêu cầu anh Phạm Xuân H và chị Trần Kiều L trả số tiền vay

còn thiếu là 86.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 01-01-2016 đến ngày xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,67%/tháng.

- Bị đơn Phạm Xuân H trình bày: Tháng 10/2014, bà N có đưa cho anh H 01 lượng vàng (do tiệm vàng Huy Phong ở ấp P, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng sản xuất) bán tại tiệm vàng G thu được 30.000.000đ, anh H mang về mục đích sửa nhà tại số 32A, B, khóm Y, phường Z, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Lần 02, ngày 29/7/2015, bà N chuyển cho anh H 56.000.000đ thông qua ngân hàng S, sự việc này chỉ có anh H đi vay, chị L không biết. Khoảng tháng 11/2017 thì bà N đến và đòi vợ chồng anh H phải trả nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh H đồng ý trả cho bà N 86.000.000đ, không đồng ý trả lãi vì khi vay không thỏa thuận về lãi và không thỏa thuận về thời hạn trả nợ.

- Bị đơn Trần Kiều L trình bày: Chị L không biết gì về việc anh H mượn bà N 01 lượng vàng 24k 9999 ngày 06/3/2014, còn việc anh H có nhận 56.000.000đ từ bà N thì bà N có báo cho chị L biết nhưng chị L không cam kết cùng trả nợ với anh H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà N vì chị L cho rằng chị không biết việc anh H mượn nợ bà N và không cam kết cùng anh H trả nợ.

- Về chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là: Giấy bán vàng.

- Tại bản án sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C đã xử:

+ Chấp nhận yêu cầu của bà N.

+ Buộc anh H và chị L có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền gốc 86.000.000 đồng và tiền lãi là: 16.076.000 đồng, tổng cộng là 102.076.000 đồng.

+ Về án phí:

Bà N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm bà N được nhận lại 3.345.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh H và chị L phải nộp 5.103.800 tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/5/2018, anh H và chị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C.

- Tại phiên tòa anh H và chị L phát biểu: Anh chị giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả lãi cho bà N vì đây là tiền do bà N cho mượn.

- Tại phiên tòa bà N trình bày: Đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu anh H và chị L có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc và lãi là 102.076.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh H và chị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hai bên thừa nhận khoản vốn vay hai lần tổng cộng 86.000.000đ, tuy nhiên bên anh H không đồng ý trả lãi vì đây là khoản tiền bà N cho mượn nên không có lãi. Hội đồng xét xử xét thấy anh H và chị L không có kháng cáo phần nợ vốn gốc nên giữ nguyên bản án sơ thẩm phần nợ vốn gốc.

[2] Chứng cứ bên bà N đưa ra là hóa đơn bán 01 lượng vàng 24k và phiếu chuyển tiền của Ngân hàng S.

[3] Đối với việc liên đới trả nợ, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của anh H là dùng số tiền vay này vào việc sửa chữa nhà chung của vợ chồng anh ở số 32A, đường B, Khóm Y, Phường Z, thành phố C nên án sơ thẩm buộc anh H và chị L liên đới trả nợ là có cơ sở, đồng thời anh H và chị L không có kháng cáo phần này.

[4] Đối với khoản lãi: Xét lời trình bày của bà N là anh H có hẹn đến tháng 10/2017 trả nợ cho bà N nhưng anh H không trả nợ; lời trình bày của anh H là vào tháng 11/2017 (không nhớ ngày) bà N có đến nhà đòi vợ chồng anh H, chị L trả nợ. Do đó xét thấy lời khai của hai bên là phù hợp nên tính thời điểm phát sinh tranh chấp là ngày 01/11/2017 để tính lãi là chính xác. Bà N yêu cầu tính theo mức lãi suất 0,67%/tháng và tính đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên có cơ sở chấp nhận. Phần lãi cụ thể được tính như sau:

$$86.000.000\text{đ} \times 0,67\%/\text{tháng} \times 5 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 3.376.532\text{đ}.$$

Như vậy chấp nhận một phần kháng cáo của anh H và chị L về phần lãi suất, sửa một phần bản án sơ thẩm. Buộc anh H và chị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N nợ vốn 86.000.000 đồng và tiền lãi 3.376.532 đồng (làm tròn 3.376.000đ), tổng cộng là 89.376.000đ.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh H, chị L về phần lãi suất. Sửa một phần bản án sơ thẩm, kể cả phần án phí sơ thẩm.

Anh H, chị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Phạm Xuân H và chị Trần Kiều L.

- Sửa một phần bản án sơ thẩm.

- Áp dụng các Điều 463, 466, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trương Thị N.

2. Buộc anh Phạm Xuân H và chị Trần Kiều L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị N số tiền nợ vốn 86.000.000 đồng và tiền lãi 3.376.000 đồng, tổng cộng là 89.376.000 đồng (Tám mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Bà Trương Thị N phải nộp 635.000đ án phí dân sự sơ thẩm, bà N được nhận lại 2.510.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 00237 ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

- Anh Phạm Xuân H và chị Trần Kiều L phải nộp 4.468.800đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Phạm Xuân H và chị Trần Kiều L không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm nên được nhận lại 600.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 03415 ngày 31/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP C;
- Chi cục THADS TP C;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thông